

Số: 162/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 244/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc “*Thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1997.

Căn cước công dân số 091197011248

Địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Tổ B, ấp T, xã N, tỉnh Đồng Nai

- Anh Mai Văn N, sinh năm: 1990.

Căn cước công dân số 091090022001

Địa chỉ thường trú: Tổ G, ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 09/8/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh N có 02 con chung là Mai Ánh D, sinh ngày 12/8/2018 và Mai Tuấn A, sinh ngày 14/01/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn gia đình mặc dù anh

chị đã ly thân từ cuối năm 2024 nhưng vì các con còn nhỏ nên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, nay anh chị thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 02 con chung là Mai Ánh D, sinh ngày 12/8/2018 và Mai Tuấn A, sinh ngày 14/01/2022. Chị T và anh N thỏa thuận giao con chung Mai Ánh D cho anh Mai Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Mai Tuấn A cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận giữa: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự khai có 02 con chung là Mai Ánh D, sinh ngày 12/8/2018 và Mai Tuấn A, sinh ngày 14/01/2022. Giao cháu Mai Ánh D cho anh Mai Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai Tuấn A cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.5. Về lệ phí: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn N phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004736 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị T và anh N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Thạnh Đông, T.An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

Phạm Vũ Ngọc Hiệp